

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1058** /2018/HNGĐ - ST

Ngày 18 - 10 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 671/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Trần Vinh Q, sinh năm 1981.

Đồng địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Trần Vinh Q cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q vào ngày 09/7/2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại gia đình chồng. Đến tháng 6 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q ham chơi, không quan tâm vợ con,

trong khi đó anh Q lại khó tính đối với chị. Ngoài ra, gia đình bên chồng không tôn trọng chị. Thời gian qua, anh Q nhiều lần hứa sẽ thay đổi nhưng không thực hiện. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Nay chị T nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 29/12/2008 và cháu Trần Kim T, sinh ngày 02/3/2014; các cháu sức khỏe bình thường; cháu Trần Anh T đang ở với anh Q, còn cháu Trần Kim T đang ở với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Trần Kim T, anh Q nuôi cháu Trần Anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 17/7/2018 và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Trần Vinh Q trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Anh thừa nhận có ham chơi bạn bè, thiếu sự quan tâm đối với vợ và việc chăm sóc con cái; đôi lúc cha mẹ anh cũng thiếu tôn trọng chị T nên đôi khi vợ chồng anh có lời qua tiếng lại. Việc chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý; vì anh mong muốn chị T cho anh cơ hội lần cuối để anh sửa chữa.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 29/12/2008 và cháu Trần Kim T, sinh ngày 02/3/2014. Sức khỏe 02 cháu bình thường, cháu Trần Anh T hiện đang ở với anh, còn cháu Trần Kim T đang ở với chị T. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn anh đồng ý chị T được nuôi cháu Trần Kim T, anh nuôi cháu Trần Anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Giao cháu Trần Kim T cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Trần Anh T cho anh Q nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Vinh Q, trú tại địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Phạm Thị T và anh Trần Vinh Q cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q vào ngày 09/7/2008 trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị T cho rằng anh Q ham chơi, không quan tâm vợ con; một mình chị phải lo mọi thứ trong gia đình trong khi đó anh Q lại khó tính hay nhăn nhó, khó chịu gây áp lực cho chị T. Ngoài ra, gia đình bên chồng không tôn trọng chị, mặc dù chị hết sức cố gắng để cho vừa lòng chồng, gia đình chồng. Anh Q thừa nhận có ham chơi bạn bè, không chăm lo gia đình; thiếu sự quan tâm đối với vợ và việc chăm sóc con cái; anh biết cha mẹ anh cũng thiếu tôn trọng chị T nên vợ chồng thường xảy ra lời qua tiếng lại rồi không quan tâm, nói chuyện với nhau. Đến cuối tháng 6/2018 vợ chồng ly thân mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Để giữ gìn hạnh phúc gia đình, chị T nhiều lần nói chuyện và cho anh Q cơ hội để thay đổi tính cách, anh Q có hứa nhưng không thực hiện; không quan tâm, an ủi chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con, anh đã biết lỗi của mình và mong chị T cho anh cơ hội lần cuối để thay đổi nhưng anh không đưa ra biện pháp để hàn gắn gia đình điều này chứng tỏ anh Q không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T.

Nhận thấy tình cảm giữa chị T, anh Q thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị T, anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Vinh Q có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 29/12/2008 và cháu Trần Kim T, sinh ngày 02/3/2014. Hiện tại sức khỏe 02 cháu bình thường; cháu Trần Anh T đang ở với anh Q, còn cháu Trần Kim T đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T với anh Q thống nhất thỏa thuận: Chị T nuôi cháu Trần Kim T, anh Q nuôi cháu Trần Anh T đây là sự tự nguyện của các bên đương sự, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh Q không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Vinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Kim T, sinh ngày 02/3/2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 29/12/2008 cho anh Trần Vinh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Q không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T, anh Trần Vinh Q không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009997 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn (Chị T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định